

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH HƯNG YÊN

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Thành.**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Đức Thắng**

2. **Bà Ngô Văn Sang**

*** Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh** – Thư ký Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Lê Duy H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh).

*** Bị đơn: Chị Đỗ Thị N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà H, Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là số nhà H, Tổ dân phố H, xã T, tỉnh Hưng Yên).

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 và B tự khai ngày 29/4/2025, anh Lê Duy H nguyên đơn trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị N kết hôn ngày 07/5/2005 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị N đã sống ly

thân từ năm 2007. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn nên anh xin ly hôn với chị Đỗ Thị N.

* *Về con chung*: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Duy H1, sinh ngày 27/12/2004. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản và nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản làm việc ngày 23/5/2025: Ông Đỗ Đức B1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà H, Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là số nhà H, Tổ dân phố H, xã T, tỉnh Hưng Yên) là bố đẻ chị Đỗ Thị N trình bày: Chị N hiện đang đi làm ăn do công việc bận mãi không đến trực tiếp Tòa án làm việc được, các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị N ông đã thông báo đầy đủ cho chị N biết về việc anh H xin ly hôn, chị N có ý kiến: Chị N và anh H kết hôn ngày 07/5/2005 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh H và chị N đã sống ly thân được nhiều năm nay. Nay anh H xin ly hôn, chị N đồng ý; Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Duy H1, sinh ngày 27/12/2004. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cam kết các văn bản Tòa án gửi cho chị N ông sẽ thông báo ngay và đầy đủ cho chị N biết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn do công việc làm ăn bận mãi nên đã thông qua gia đình có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Duy H được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

+ Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Lê Duy H1, sinh ngày 27/12/2004. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản và nợ: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Lê Duy H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn giữa anh H và chị N là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình (cũ), quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên) giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 14/7/2025, chị Đỗ Thị N vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 29/7/2025, anh Lê Duy H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Đỗ Thị N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn ngày 07/5/2005 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh) là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh H và chị N đã sống ly thân từ năm 2007. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hòa giải để anh H bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, anh H vẫn cương quyết xin ly hôn, chị N đồng ý. Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Lê Duy H1, sinh ngày 27/12/2004. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Duy H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Duy H được ly hôn chị Đỗ Thị N.

2. Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Lê Duy H1, sinh ngày 27/12/2004. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, anh H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000936 ngày 26/4/2025 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lê Duy H và chị Đỗ Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thành